TOÀ ÁN ND HUYỆN LẠNG GIANG **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **41**/2018/ HNGĐ-ST
Ngày 20/07/2018
V/v: "Không công nhận là vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Minh Thiết , ông Nguyễn Quang Vinh.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông Nguyễn Văn Sang - Cán bộ toà án nhân dân huyện Lạng Giang.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Lạng Giang: Ông Trần Văn Mạnh- Kiểm sát viên.

Trong ngày 20/07/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 224 /2018/TLST-HNGĐ ngày 11/06/2018 về việc "Không công nhận là vợ chồng", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2018/QĐST-HNGĐ ngày 11/07/2018 giữa:

Nguyên đơn: Anh Đỗ Văn M, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Giang; (Có mặt)

Bị đơn Chị Trần Thị Hằng, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Giang;(Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Đỗ Văn M trình bày: Anh và chị Trần Thị H có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống từ năm 1991, nhưng không đăng ký kết hôn, vì lúc đó hiểu biết pháp luật hạn chế.Trước khi vợ chồng kết hôn có được tự do tìm hiểu, không bị ép buộc. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn vào khoảng năm 2011 lúc đó anh đi xuất khẩu lao động, chị H ở nhà có quan hệ bất chính với người khác, chị H đã được gia đình nhắc nhở nhưng vẫn tiếp tục quan hệ bất chính với người khác, năm 2016 anh hết hợp đồng lao động và về gia đình, tháng 5/2016 anh và chị H đã ly thân, anh xác định không còn tình cảm với chị H đề nghị Tòa án không công nhận anh và chị H là vợ chồng.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung:

1. Đỗ Thị Mai H, sinh năm 1997
2. Đỗ Mạnh H, sinh ngày 12/08/2000

Hiện nay Đỗ Thị Mai H đã trưởng thành không đề nghị giải quyết.

Con Đỗ Mạnh H hiện nay đang ở với chị H, anh đồng ý để cô H nuôi con theo nguyện vọng của con.

Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Tại bản tự khai chị Trần Thị H trình bày: Chị và anh M đăng ký kết hôn vào năm 1991 tại UBND xã B nhưng không được giao giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 4/2016 anh M hết hợp đồng lao động về nước vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, anh M đánh chửi chị và đuổi 03 mẹ con chị về nhà bố mẹ chị, chị bỏ về nhà bố mẹ từ tháng 5/2016 cho đến nay. Nay anh M đề nghị Tòa án không công nhận chị và anh M là vợ chồng chị đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung:

1 - Đỗ Thị Mai H, sinh năm 1997

2 - Đỗ Mạnh H, sinh ngày 12/08/2000.

Hiện nay Đỗ Thị Mai H đã trưởng thành không đề nghị giải quyết,

Con Đỗ Mạnh H hiện nay đang ở với chị, chị xin nuôi con theo nguyện vọng của con.

Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng có tài sản chung, hiện nay vợ chồng chưa giải quyết về tài sản chung, Tòa án có hướng dẫn chị làm đơn khởi kiện về tài sản nhưng chị chưa làm đơn cho Tòa án. Về tài sản chung chị sẽ làm đơn khởi kiện bằng vụ kiện khác.

Quá trình giải quyết vụ án cháu Đỗ Mạnh H có ý kiến: Hiện nay cháu biết bố mẹ cháu đang làm đơn ly hôn, bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với mẹ cháu.

+ Trong quá trình giải quyết án M có đơn đề nghị UBND xã B xác nhận anh M và chị H không đăng ký kết hôn tại UBND xã B thì có xác nhận: Tại sổ đăng ký kết hôn từ năm 1991 hiện nay UBND xã B không còn lưu giữ được thông tin đăng ký kết hôn của ông Đỗ Văn M và bà Trần Thị H và ông M, bà H không có tên trong sổ đăng ký kết hôn hiện nay đang lưu trữ tại UBND xã B. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà hôm nay anh Đỗ Văn M vẫn có đề nghị Tòa án không công nhận anh và chị H là vợ chồng, về con chung anh đồng ý để con H ở cùng với chị H, về tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị Trần Thị Hcó ý kiến đồng ý về việc anh M xin ly hôn, về con chung chị xin nuôi con H. Về tài sản chị sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của bị đơn tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Văn M:

- Về quan hệ vợ chồng: Không công nhận anh Đỗ Văn M, chị Trần Thị Hlà vợ chồng.

- Về con chung: Giao cho chị Trần Thị H nuôi dưỡng con chung là Đỗ Mạnh H, sinh ngày 12/08/2000.

- Về án phí: Anh Đỗ Văn M chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Đơn khởi kiện của anh Đỗ Văn M cùng các tài liệu nộp kèm theo đơn là hợp lệ, đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình. Bị đơn có nơi cư trú tại xã T, huyện Lạng Giang. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

[4].Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Văn M và chị Trần Thị H có tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau từ năm 1991.Trước khi cưới anh, chị được tự do tìm hiểu, đến với nhau là tự nguyện. Khi cưới được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Anh M trình bày vợ chồng không có đăng ký kết hôn, chị H có ý kiến vợ chồng có đăng ký kết hôn nhưng không được giao giấy chứng nhận kết hôn, tại biên bản xác nhận tại UBND xã B thì không còn lưu trữ sổ đăng ký kết hôn năm 1991 và anh M, chị H không có tên trong sổ đăng ký kết hôn mà UBND xã đang lưu giữ, nên xác định anh M, chị H không tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn. Việc anh M và chị H chung sống với nhau và không đăng ký kết hôn là trái với quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Anh M khai cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, năm 2011 vợ chồng có mâu thẫn do chị H ở nhà có quan hệ bất chính với người khác. Tháng 5/2016 vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Quá trình giải quyết vụ án chị H đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh M về việc đề nghị không công nhận anh M và chị H là vợ chồng. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Nay anh M, chị H đều đề nghị Tòa án không công nhận anh M và chị H là vợ chồng. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh M là phù hợp với quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung:

1 - Đỗ Thị Mai H, sinh năm 1997

2 - Đỗ Mạnh H, sinh ngày 12/08/2000

Hiện nay Đỗ Thị Mai H đã trưởng thành không đề nghị giải quyết,

Con Đỗ Mạnh H sinh ngày 12/08/2000 hiện nay đang ở với chị H và chị H xin nuôi con theo nguyện vọng của con. Quá trình giải quyết vụ án anh M có ý kiến anh đồng ý để chị H tiếp tục nuôi con, cháu H có nguyện vọng được ở với chị H. Hội đồng xét xử thấy: Hiện nay cháu Đỗ Mạnh H đã gần đủ 18 tuổi, cháu có nguyện vọng được ở với chị H, theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 có quy định: "Nếu con từ đủ 7 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con". Do vậy cần giao con Đỗ Mạnh H sinh ngày 12/08/2000 cho chị H nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp.

Anh M có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở anh M thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con chị H không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6].Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Quá trình giải quyết vụ án chị Hằng có trình bày vợ chồng có tài sản chung là nhà và đất, chị không đề nghị giải quyết trong vụ án này. Trường hợp vợ chồng không thỏa thuận được chị sẽ đề nghị giải quyết bằng vụ án khác. Anh M và chị H không có yêu cầu giải quyết về tài sản.

[7]. Về án phí: anh Đỗ Văn M phải chịu án phí DSST theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Điều 14; Điều 53, điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. .

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Xử;

[1]. Về quan hệ vợ chồng: Không công nhận anh Đỗ Văn M, chị Trần Thị H là vợ chồng.

[2]. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Hnuôi dưỡng con chung là Đỗ Mạnh H sinh ngày 12/08/2000.

Anh M có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở anh M thực hiện quyền này.

[3]. Về án phí: Anh Đỗ Văn M phải chịu 300.000 đồng án phí DSST nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng theo biên lai số AA/2018/0006549 ngày 11/6/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang. Xác nhận anh Đỗ Văn M đã thi hành xong phần án phí DSST.

[4]. Về quyền khánh cáo: Anh M, chị H có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- VKS TP.Bắc Giang,
- CCTHA dân sự TP.Bắc Giang,
- UBND xã B,
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lê Thu Hà